TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86/2024/HS-ST
Ngày: 25/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Tư Duy
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Hải;
Bà Nguyễn Thị Giang.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà*:** Ông Hà Đăng Chương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 85/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2024/QĐXXST-HS ngày 12/11/2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: Đồng Đức T, sinh ngày 10/6/1993.

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Quê quán và nơi thường trú: Khu H, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 09/12;

Con ông Đồng Đức T1, sinh năm 1966 và bà Trương Thị H, sinh năm 1966, đều thường trú: khu H, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Vợ, con: Không có

Tiền án: Tại Bản án hình sự số 105/2021/HSST ngày 07/12/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, xử phạt Đồng Đức T 17 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; phải chịu án phí 200.000 đồng, đã nộp án phí xong ngày 13/01/2022; chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/01/2023.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 16/12/2011, bị Chủ tịch UBND huyện K, tỉnh Hải Dương ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa người vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 24/7/2014;

+ Tại Bản án hình sự số 02/2017/HSST ngày 09/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng

trữ trái phép chất ma túy. Chấp hành xong án phí ngày 12/5/2017; chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 22/7/2018.

+ Ngày 12/9/2019, Công an tỉnh H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2197/QĐ-XPHC phạt tiền 1.500.000đ về hành vi đánh bạc trái phép, nộp phạt ngày 19/9/2019;

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt tại phiên tòa).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Trần Thị N, sinh năm 1991, (vắng mặt).

Nơi thường trú: tổ A, Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội;

- Chị Hà Thị H1, sinh năm 1987, (vắng mặt).

Nơi thường trú: xóm R, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

- Chị Lang Thị L, sinh năm 1992, (vắng mặt).

Nơi thường trú: bản K, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An;

- Chị Cầm Thị N1, sinh năm 1982, (vắng mặt).

Nơi thường trú: thôn H, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

- Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1985, (vắng mặt).

- Anh Giáp Văn C, sinh năm 1986, (vắng mặt).

Đều thường trú: thôn T, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các cài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ 20 phút ngày 06/6/2024, tổ công tác Công an phường X, thành phố B tiến hành kiểm tra hành chính phòng trọ số 202, nhà T, đường X, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Tại thời điểm kiểm tra phòng trọ số B có 05 người gồm: Trần Thị N, sinh năm 1991, trú tại tổ A Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; Lang Thị L, sinh năm 1992, trú tại bản Kẻ Can, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Cầm Thị N1, sinh năm 1982, trú tại X, T, tỉnh Thanh Hóa; Hà Thị H1, sinh năm 1987, trú tại xóm R, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Đồng Đức T, sinh năm 1993, trú tại khu H, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Do các đối tượng không đăng ký tạm trú tạm vắng nên tổ công tác đã mời 05 đối tượng trên về trụ sở Công an làm việc, đồng thời bàn giao hồ sơ vụ việc cùng các đối tượng cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Cùng ngày 06/6/2024, Cơ quan điều tra Công an thành phố B đã tiến hành test nhanh ma túy qua mẫu nước tiểu của 05 đối tượng, kết quả cả 05 đối tượng trên đều dương tính với ma túy. Trong đó N, L, N1, H1 đều dương tính với ma túy "MDMA, KET" (ma túy tổng hợp dạng kẹo, ke); T dương tính với ma túy "MET" (ma túy tổng hợp dạng đá, ngựa). Quá trình làm việc N, L, N1, H1 đều khai nhận đêm ngày 05/6/2024 và rạng sáng ngày 06/6/2024 N, L, H1 và N1 đã

sử dụng ma túy kẹo, ke ở tại quán H3 thuộc địa bàn xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang, số ma túy các đối tượng sử dụng do Đồng Đức T cung cấp.

Cùng ngày 06/6/2024, Đồng Đức T đã đầu thú về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, quá trình đầu thú Cơ quan điều tra Công an thành phố B tạm giữ của Đồng Đức T: 01 chiếc điện thoại Iphone 13 Pro màu vàng, số IMEI: 350283162112294, lắp sim số 0876.413.903, điện thoại cũ đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 màu vàng, số IMEI: 356395101517401, lắp sim số 0357.906.862, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Cơ quan điều tra Công an thành phố B đã tiến hành khám nghiệm hiện trường và cho T, N, L, N1, H1 thực nghiệm điều tra về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Kết quả T, N, L, N1, H1 đã thực hiện thành thục hành vi sử dụng chất ma túy như đã khai.

Ngày 07/6/2024, Cơ quan điều tra Công an thành phố B lấy mẫu nước tiểu của N1, H1, L, N và T được đựng trong chai nhựa đậy nắp màu xanh và ký hiệu tên của từng người. Ngày 10/6/2024, Cơ quan điều tra Công an huyên T3 đã trưng cầu Phòng K Công an tỉnh B giám định mẫu nước tiểu được đựng trong chai nhựa, nắp đậy màu xanh ký hiệu "Ngân", "L", "Nghiệp", "H1", "T".

Tại Kết luận giám định số 1294/KL-KTHS ngày 14/6/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận:

Trong các mẫu chất lỏng (nước tiểu) của Cầm Thị N1, Trần Thị N, Hà Thị H1, Lang Thị L được niêm phong trong các chai nhựa có ký hiệu lần lượt là "Nghiệp", "Ngân", "H1", L" đều có tìm thấy chất N2, D và chất ma túy MDMA.

Trong mẫu chất lỏng (nước tiểu) của Đông Đức T2 được niêm phong trong trong chai nhựa có ký hiệu "T" không tìm thấy chất ma túy.

Ngày 13/6/2024; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B chuyển toàn bộ hồ sơ cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T3 để điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Đồng Đức T khai nhận hành vi phạm tội cụ thể như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 05/6/2024, T đi bộ đến gần cầu Phúc Sơn thuộc phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương gặp người đàn ông tên Q, sinh năm khoảng 1988, nhà ở phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Tại đây, T mua của Q 4 viên ma túy kẹo và 02 túi ma túy ketamine với giá 3.600.000 đồng. Đến khoảng hơn 17 giờ ngày 05/6/2024, T cầm số ma túy trên thuê xe taxi từ thị xã K, tỉnh Hải Dương đến phòng trọ của bạn gái là Trần Thị N ở số nhà C, đường X, phường X, thành phố B. Khoảng 19 giờ cùng ngày, T đến phòng trọ của N là phòng 202, tầng 2 số nhà C thì gặp N, H1, L và N1 đang ở trong phòng. Khoảng hơn 19 giờ cùng ngày, T, N, H1, L và N1 cùng nhau mgồi ăn lẩu và uống bia với nhau tại phòng, đến khoảng hơn 23 giờ cùng ngày, sau khi ăn uống xong, cả 05 người đi bộ từ phòng trọ ra đến cổng đền X sau đó bắt xe taxi đến quán H3 thuộc thôn T, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang do chị Nguyễn Thị

H2, sinh năm 1985 ở thôn T, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang làm chủ. Khi đến quán hát, T, N, H1, L và N1 gặp anh Giáp Văn C, sinh năm 1986 ở thôn T, xã Q, huyện T là chồng chị H2 đang trông quán hỏi lấy phòng hát Vip 3 tầng 3 để hát. Sau khi mọi người vào phòng hát hát Karaoke, đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, T lấy từ trong túi quần bên phải ra túi ma túy mua của Q đặt lên trên mặt bàn. T bảo N và nói to cho mọi người biết là "đồ anh để trên bàn" để cho ai sử dụng ma túy kẹo thì tự lấy sử dụng. N tự lấy ra 01 viên ma túy kẹo trong túi nilon T đã để trên bàn cho vào mồm tự uống sử dụng cho bản thân, H1, L và N1 cũng tự lấy mỗi người 01 viên ma túy kẹo rồi sử dụng. Sau khi mọi người sử dụng hết ma túy kẹo, một lúc sau T lấy chiếc đĩa sứ hình tròn màu trắng trên bàn (là đĩa sứ đang đựng bánh kẹo có sẵn ở trên bàn), dùng bật lửa hơ nóng đĩa sứ rồi T lấy túi ma túy ke ra đổ hết lên đĩa sứ. Tiếp theo T lấy tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng quấn thành ống hút, T lấy đầu lọc điếu thuốc lá để cố định ống hút, sau đó T dùng bật lửa để dằm nhỏ ma túy ke trên đĩa ra rồi để đĩa sứ đựng ma túy ke T đã xào xong ở trên mặt bàn để cho mọi người sử dụng. T bảo N, H1, L và N1 là "để đây ai chơi thì chơi", sau đó N, H1, L và N1 thay nhau lần lượt sử dụng hết số ma túy ke trên đĩa sứ, còn T không sử dụng ma túy. Đến khoảng 4 giờ sáng ngày 06/06/2024 thì T, N, H1, L, N1 bắt taxi đi về phòng trọ của N. Khoảng 10 giờ ngày 06/6/2024, Công an phường X, thành phố B đến kiểm tra hành chính phòng trọ có T, N, H1, L, N1 đang ở đó và đưa các đối tượng về trụ sở để làm việc và test nhanh ma túy trong cơ thể.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát viện dẫn điều luật áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt Đồng Đức T từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 06/6/2024.

Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Ngoài ra Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý về vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo tự bào chữa: Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên truy tố bị cáo, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất để cải tạo và sớm trở về gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T3, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tội danh: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ khác có trong vụ án, do vậy có đủ căn cứ xác định:

Trong khoảng thời gian từ 23 giờ 30 phút ngày 05/6/2024 đến 4 giờ ngày 06/6/2024, tại quán H3 tại thôn T, xã Q, huyện T, Đ, sinh năm 1993, trú tại khu H, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương đã có hành vi cung cấp 04 viên ma túy dạng kẹo và 02 túi ma túy Ketamine và chuẩn bị dụng cụ tổ chức cho Trần Thị N, sinh năm 1991, trú tại tổ A Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; Lang Thị L, sinh năm 1992, trú tại bản Kẻ Can, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Cầm Thị N1, sinh năm 1982, trú tại X, T, tỉnh Thanh Hóa và Hà Thị H1, sinh năm 1987, trú tại xóm R, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ sử dụng trái phép 04 viên ma túy dạng kẹo và 02 túi ma túy Ketamine.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, bị cáo tổ chức cho 04 người sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, cần được chấp nhận.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, một mặt đã vi phạm chính sách độc quyền quản lý về các loại dược phẩm có tính chất gây nghiện của Nhà nước, mặt khác từ hành vi này của tội phạm, đã dẫn đến làm xói mòn đạo đức xã hội, phẩm chất và nhân cách của con người và là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác trong đời sống xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phải có hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đầu thú, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Từ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 16/12/2011, bị Chủ tịch UBND huyện K, tỉnh Hải Dương ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa người vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 24 tháng; ngày 09/01/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xử phạt 24 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; ngày 12/9/2019 bị Công an tỉnh H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc; ngày 07/12/2021 bị Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xử phạt 17 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm mà tiếp tục phạm tội. Mặt khác, bị cáo có tiền án cùng về tội ma túy (Bản án số 105/2021/HS-ST củaTòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương) và bị cáo tổ chức cho 04 người sử dụng trái phép chất ma túy, nên phải có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo là thấp, chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo không có tài sản, thu nhập nên cần miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

Do bị cáo đang bị tạm giam nên HĐXX quyết định tạm giam bị cáo theo quy định tại Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5] Về các vấn đề khác trong vụ án:

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lang Thị L, Cầm Thị N3, Hà Thị H1, Trần Thị N vào ngày 05/6/2024, Cơ quan điều tra đã chuyển tài liệu đến Công an huyện T3 để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Đối với chị H2 và anh C không biết các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy tại quán H3 của nhà mình nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để cứ xử lý đối với anh C và chị H2 về hành vi "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy". Việc chị Nguyễn Thị H2 là chủ cơ sở kinh doanh để xảy ra hoạt động sử dụng trái phép chất ma túy và hoạt động quán karaoke khi chưa đủ điều kiện về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, Cơ quan điều tra đã chuyển toàn bộ tài liệu đến Công an huyện T3 để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Đối với người đàn ông tên Q, T khai là người bán ma túy cho T, nhà ở phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương, T không biết họ, tên đệm và địa chỉ cụ thể, Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp xác minh, tuy nhiên đến nay không xác định được đối tượng đã bán ma túy cho T là ai, ở đâu nên không có căn cứ để xử lý đối tượng này.

[6] Về vật chứng:

Đối với chiếc đĩa bằng sứ, hình tròn, màu trắng và 01 chiếc bật lửa các đối tượng dùng để sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát, anh Giáp Văn C

xác định anh là người dọn phòng, khi dọn phòng chỉ có chiếc đĩa sứ, vỏ chai bia, cốc nước và một số đồ dùng, rác rơi vãi trên sàn nhà, còn bật lửa không có trên bàn, anh C đã rửa đĩa, cốc để dưới bếp, sau đó quét dọn và đổ rác vào thùng rác, anh C đã mang thùng rác đi đổ nên Cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc bật lửa; Đối với chiếc đĩa bằng sứ, hình tròn, màu trắng cũ đã qua sử dụng mà chị H2 giao nộp là của gia đình chị H2, chị H2 xác định chiếc đĩa này chị lấy ở bếp có đặc điểm tương tự giống như chiếc đĩa để trên phòng hát, chị H2, anh C không xác định được chiếc đĩa này có phải chiếc đĩa để trên phòng hát không nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc đĩa trên cho chị Nguyễn Thị H2; Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax màu gold, đã qua sử dụng, gắn sim số 0382.099.191, có Imeil: 353887102114058; Imei2: 353887106827911 là điện thoại của Trần Thị N; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu xanh có Imei: 353898108700170, lắp sim số 0364.780.626 là điện thoại của cũ đã qua sử dụng, là điện thoại của Cầm Thị N4; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone Xsmax gắn sim số 0963.158.307, Imei: 353097103522438; Imei2: 353097103550074 màu đồng đã qua sử dụng là điện thoại của Lang Thị L; chiếc điện thoại di dộng Iphone 8 plus vỏ màu đen, Imei: 352977092845992 lắp 01 sim số 0964.784.180 đã qua sử dụng là điện thoại của Hà Thị H1, những chiếc điện thoại này không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả những chiếc điện thoại trên cho chủ sở hữu Trần Thị N, Cầm Thị N4, Lang Thị L và Hà Thị H1, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với 01 chiếc điện thoại Iphone 13 Pro màu vàng, số IMEI: 350283162112294, lắp sim số 0876.413.903, điện thoại cũ đã qua sử dụng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 màu vàng, số IMEI: 356395101517401, lắp sim số 0357.906.862, điện thoại cũ đã qua sử dụng là tài sản của Đồng Đức T không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 chai nhựa có nắp đậy màu xanh ký hiệu "T" bên trong đựng mẫu chất lỏng, được niêm phong theo quy định, có dấu của Phòng K công an tỉnh B, là vật không có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đồng Đức T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 06/6/2024.

Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

2. Về vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 chai nhựa có nắp đậy màu xanh ký hiệu "T" bên trong đựng mẫu chất lỏng, được niêm phong theo quy định, có dấu của Phòng K công an tỉnh B.

Trả lại bị cáo Đồng Đức T 01 chiếc điện thoại Iphone 13 Pro màu vàng, số IMEI: 350283162112294, lắp sim số 0876.413.903, điện thoại cũ đã qua sử dụng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 màu vàng, số IMEI: 356395101517401, lắp sim số 0357.906.862, điện thoại cũ đã qua sử dụng, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND, THADS, Công an huyện;
- Bị cáo, người có QLNVLQ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tư Duy